

Số: 003/2021/BC.ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2020
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang được ban hành ngày 06/07/2020,

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang đã được Công ty TNHH Deloitte (Việt Nam) kiểm toán. Tài liệu Báo cáo đã đăng tải trên website của Công ty: www.dhgpharma.com.vn và website của SGDCK Tp.HCM: www.hsx.vn. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị chỉ xin trình bày trước Đại hội Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã tóm tắt của Công ty như sau:

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Khoản mục	01/01/2020 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
	TỔNG TÀI SẢN	4.146.818.721.257	4.447.503.471.370
A	Tài sản ngắn hạn	3.133.924.348.700	3.480.799.873.619
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	70.328.408.693	73.054.473.018
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.768.000.000.000	2.074.000.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	560.791.995.735	496.020.199.824
IV	Hàng tồn kho	725.438.891.568	826.585.429.976
V	Tài sản ngắn hạn khác	9.365.052.704	11.139.770.801
B	Tài sản dài hạn	1.012.894.372.557	966.703.597.751
I	Các khoản phải thu dài hạn	459.000.000	244.240.000
II	Tài sản cố định	900.116.925.455	849.298.475.010
III	Bất động sản đầu tư	15.345.447.332	14.999.958.848
IV	Tài sản dở dang dài hạn	28.927.855.544	66.472.781.314
V	Đầu tư tài chính dài hạn	28.122.793.643	4.387.520.000
VI	Tài sản dài hạn khác	39.922.350.583	31.300.622.579
	TỔNG NGUỒN VỐN	4.146.818.721.257	4.447.503.471.370
A	Nợ phải trả	769.267.239.060	879.464.107.014
I	Nợ ngắn hạn	704.899.493.292	816.433.295.601
II	Nợ dài hạn	64.367.745.768	63.030.811.413
B	Vốn chủ sở hữu	3.377.551.482.197	3.568.039.364.356
I	Vốn góp của chủ sở hữu	1.307.460.710.000	1.307.460.710.000

STT	Khoản mục	01/01/2020 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
II	Thặng dư vốn cổ phần	6.778.948.000	6.778.948.000
III	Quỹ đầu tư và phát triển	1.392.604.475.464	1.479.946.644.695
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	665.297.795.718	769.784.599.949
V	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	5.409.553.015	4.068.461.712

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

STT	Khoản mục	Năm 2019 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.413.958.643.618	4.206.732.382.220
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	517.204.814.394	451.113.070.896
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.896.753.829.224	3.755.619.311.324
4	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.184.461.607.643	1.944.243.042.082
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.712.292.221.581	1.811.376.269.242
6	Doanh thu hoạt động tài chính	122.487.815.915	140.432.017.346
7	Chi phí tài chính	98.859.012.607	119.182.682.485
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>22.715.202.068</i>	<i>14.029.596.510</i>
8	Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(112.629.706)	(500.637.457)
9	Chi phí bán hàng	687.045.221.994	699.298.275.858
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	333.829.908.766	302.861.761.740
11	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	714.933.264.423	829.964.929.048
12	Thu nhập khác	15.583.127.368	6.031.473.208
13	Chi phí khác	17.321.295.887	14.972.488.544
14	Lỗ khác	(1.738.168.519)	(8.941.015.336)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	713.195.095.904	821.023.913.712
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	83.855.680.646	86.210.837.298
17	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.924.038.290)	(3.720.732.628)
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	631.263.453.548	738.533.809.042
	Phân bổ cho:		
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	635.388.096.114	739.874.900.345
	Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(4.124.642.566)	(1.341.091.303)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.668	5.443

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2019 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Lợi nhuận trước thuế	713.195.095.904	821.023.913.712
2	Điều chỉnh cho các khoản:		
	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	88.710.979.693	88.196.799.144
	Các khoản dự phòng	26.907.747.769	17.994.453.882
	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	42.737.167	100.670.419
	Lãi từ hoạt động đầu tư	(122.667.908.308)	(136.184.864.585)
	Chi phí lãi vay	22.715.202.068	14.029.596.510
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	728.903.854.293	805.160.569.082
	Thay đổi các khoản phải thu	119.150.350.172	69.743.246.065
	Thay đổi hàng tồn kho	165.771.307.812	(101.120.046.803)
	Thay đổi các khoản phải trả	(41.251.889.486)	171.398.479.009
	Thay đổi chi phí trả trước	3.463.741.092	12.429.581.311
	Tiền lãi vay đã trả	(22.858.370.847)	(14.279.236.632)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(65.982.154.011)	(78.840.918.985)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(48.956.622.398)	(38.317.458.516)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	838.240.216.627	826.174.214.531
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(57.101.418.800)	(88.805.051.465)
2	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11.584.129.859	5.238.101.817
3	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	(3.015.673.917.808)	(3.198.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	2.711.687.125.261	2.892.053.651.065
5	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	0	8.629.332.200
6	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	125.848.754.578	132.791.732.930
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(223.655.326.910)	(248.092.233.453)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1	Tiền thu từ đi vay	1.916.023.391.699	736.698.389.686
2	Tiền trả nợ gốc vay	(2.209.257.867.364)	(789.093.721.992)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(326.865.177.500)	(522.984.284.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(620.099.653.165)	(575.379.616.306)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(5.514.763.448)	2.702.364.772
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	75.835.597.431	70.328.408.693
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	7.574.710	23.699.553
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70.328.408.693	73.054.473.018

IV. MỘT SỐ TỶ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	75,57%	78,26%
	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	24,43%	21,74%
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	18,55%	19,77%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	81,45%	80,23%
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,45	4,26
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,42	3,25
	Khả năng thanh toán bằng tiền mặt	Lần	0,10	0,09
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,20%	19,66%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	15,12%	17,19%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,36%	21,27%

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Thư ký HĐQT, UBKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

Masashi Nakaura

Số: 0289 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Tiểu ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và Công ty con (Công ty mẹ và Công ty con sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2021, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 25 tháng 02 năm 2021
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vòng Mỹ Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3460-2020-001-1

